| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 – TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **126/**2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/8/2025
*Về việc: "Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Tạ Hồng Chiến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ma Quốc Thể và ông Trần Hữu Lượng.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Lương Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang cơ sở 2 mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03/6/2025 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Bàn Thị N**, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang (thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cũ), (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Phùng Văn H**, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang (thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cũ), (vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị N và anh Phùng Văn H kết hôn với nhau vào năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang) (*Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2006, ngày 03 tháng 3 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).* Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thôn K, xã T (nay xã T). Quá trình chung sống vợ chồng thời

gian đầu có hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 06 năm 2025 chị Bàn Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn H.

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bàn Thị N trình bày*: Nguyên nhân mâu thẫn là do trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, suy nghĩ không còn hợp nhau, anh H không có ý thức cùng nhau trả nợ sau khi làm nhà, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, đánh chửi nhau.... cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả. Hiện nay chị và anh H đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị H đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn H.

- Về con chung: Chị Bàn Thị N xác định có 02 người con chung là Phùng Ly T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Phùng Thị Bích N1, sinh ngày 23/7/2007. Quá trình giải quyết chị N xác định các cháu T, N1 hiện nay đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) có khả năng lao động bình thường nên không đề nghị Toà án giải quyết**.**

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Bàn Thị N xác định tự thoả thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

*Kết quả xác minh thể hiện*: Chị Bàn Thị N và anh Phùng Văn H đều có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang (thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cũ). Chị N và anh H kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thiếu lòng tìn vào nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát, đánh chửi nhau. Vợ chồng hiện sống ly thân được 02 năm. Mâu thuẫn đã được gia đình, thôn K nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Hiện tại anh Phùng Văn H không có mặt tại địa phương. Anh H là lao động tự do, hiện đang đi làm ở khu vực tỉnh Yên Bái (nay tỉnh Lào Cai), anh H vẫn thường xuyên về nhà khi được nghỉ lễ, tết và gia đình có việc.

Anh Phùng Văn H là lao động tự do, không có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh H vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 1 – Tuyên Quang*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Phùng Văn H không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Chị Bàn Thị N và anh Phùng Văn H kết hôn vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho chị Bàn Thị N được ly hôn với anh Phùng Văn H; về con chung: Các cháu Phùng Ly T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Phùng Thị Bích N1, sinh ngày 23/7/2007, hiện các cháu đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) chị N không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý; về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Bàn Thị N đều xác định tự thoả thuận, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Bàn Thị N đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn H và giao nuôi con chung khi ly hôn; không đề nghị giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung. Anh Phùng Văn H đăng ký HKTT tại thôn K, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn K, xã T, tỉnh Tuyên Quang). Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là *"Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Phùng Văn H nhiều lần nhưng anh H không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên toà, nguyên đơn chị Bàn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phùng Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị N và anh Phùng Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 03/3/2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu,

sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bất đồng trong kinh tế gia đình, không có tiếng nói chung, vợ chồng thiếu lòng tin vào nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, đánh nhau, vợ chồng sống ly thân từ 02 năm nay. Tháng 6 năm 2025 chị Bàn Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn H.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Bàn Thị N và anh Phùng Văn H có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc nên xác định hôn nhân của chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bàn Thị N được ly hôn với anh Phùng Văn H.

2.2. Về con chung: Chị Bàn Thị N và anh Phùng Văn H có 02 con chung là Phùng Ly T, sinh ngày 01/02/2006 và cháu Phùng Thị Bích N1, sinh ngày 23/7/2007.

Đối với cháu Phùng Thị Bích N1, theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Bàn Thị N đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Phùng Thị Bích N1 cho chị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng vào giáo dục. Hiện tại, cháu N1 đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có khả năng lao động bình thường và tự lo được cuộc sống riêng nên chị N1 có quan điểm không đề nghị Toà án giải quyết.

Đối với cháu Phùng Ly T, chị Bàn Thị N cũng xác định cháu T hiện đã trên 18 tuổi có khả năng lao động bình thường nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Bàn Thị N xác định tự thoả thuận, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Bàn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị N được ly hôn với anh Phùng Văn H.

*(Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2006, ngày 03 tháng 3 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang)*

**2**. Về án phí: Chị Bàn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 000160, ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang) và Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 000004681420, ngày 03/6/2025 của Công ty cổ phần T1. Chị Bàn Thị N đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Phùng Văn H không phải nộp tiền án phí.

**3**. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 – Tuyên Quang;
- T.H.A dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã T. (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Tạ Hồng Chiến**